

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2023

V/v: “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Triệu Nghĩa
- Bà Trần Thị Bích Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Âu Thanh Q, sinh năm 1973

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Q.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Âu Thanh Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị L chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau thì xảy ra mâu thuẫn và đến tháng 4/2021 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không còn phù hợp nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng ngày

càng xa cách. Nay anh Q xét thấy giữa anh và chị L không thể nào chung sống với nhau được nữa, không còn tình cảm với nhau nên anh Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung Âu Thị Mỹ L, sinh năm 1997, Âu Thị Mỹ H, sinh năm 1999 và Âu Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 02/5/2016. Các con Mỹ L và Mỹ H đã thành niên, còn cháu Bảo Q còn nhỏ nên khi ly hôn anh Q giao cho chị L nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng cho con.

Về Tài sản chung: Anh Q khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị L trình bày: Chị công nhận về quan hệ hôn nhân đúng như anh Q đã khai. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Q đã có nhiều thay đổi về tính cách và quan điểm sống nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay anh Q yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Q có 03 con chung Âu Thị Mỹ L, sinh năm 1997, Âu Thị Mỹ H, sinh năm 1999 và Âu Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 02/5/2016. Khi ly hôn chị đồng ý nuôi dưỡng con chung Bảo Q, anh Q không cấp dưỡng cho con chị đồng ý; các con Mỹ L và Mỹ H đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về Tài sản chung: Chị L khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Âu Thanh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, giữa anh Q và chị L không có đăng ký kết hôn nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Trong vụ án này, bị đơn là chị L có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Q. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Nguyên đơn là anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L khai nhận cả hai cưới nhau vào năm 1995 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cả hai chung sống hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2021, cả hai hiện nay đã sống ly thân. Thời gian sống ly thân anh Q và chị L không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nữa. Nay anh Q xét thấy không thể cùng chị L tiếp tục chung sống hạnh phúc, nên anh Q yêu cầu được ly hôn chị L; hơn nữa chị L cũng thừa nhận cả hai không thể sống chung được nên đồng ý ly hôn với anh Q.

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân thực tế vào ngày 04/4/2023 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi thì anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc chị anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L cưới nhau làm vợ, làm chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con:

Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L có 03 con chung là Âu Thị Mỹ L, sinh năm 1997, Âu Thị Mỹ H, sinh năm 1999 và Âu Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 02/5/2016. Anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L đều thống nhất giao cháu Âu Nguyễn Bảo Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với các con chung Mỹ L và Mỹ H hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, anh Q và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng cho con, anh Q giao con chung Bảo Q cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con và chị L đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Âu Thanh Q phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền anh Q đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005695 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các điều 81, 82, 83 của [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#). Khoản 4 Điều 3 [Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Âu Thanh Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Âu Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 02/5/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Âu Thanh Q không phải cấp dưỡng cho con. Các con chung Âu Thị Mỹ L, sinh năm 1997, Âu Thị Mỹ H, sinh năm 1999 đã thành niên anh Q và chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Anh Âu Thanh Q và chị Nguyễn Thị L đều trình bày không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Anh Âu Thanh Q phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền anh Q đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0005695 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- **UBND xã Đ;**
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Quang Hiệp